CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP

Ngày 30/09/2025	22,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	**-8.7%**	**-**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	21,233 - 31,322
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	464
Số lượng CPLH (CP)	20,999,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	785
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.55
EPS	3,103
P/E	7.1

DT thuần
Q3/25
441
tỷ VNĐ
QoQ: ▼44.0| -9.0%
YoY: ▲ 6.00| 1.4%

LN thuần
Q3/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.2| 102%
YoY: ▲ 4.40| 20.4%

LN sau thuế
Q3/25
21.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.8| 106%
YoY: ▲ 3.60| 20.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
6.0%
YoY: +/-▲ 3.3%

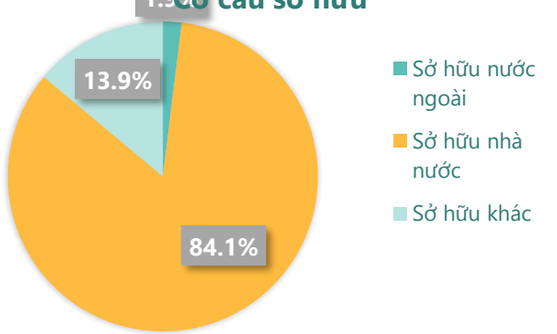
ROE (TTM)
Q3/25
21.8%
YoY: +/-▲ 1.3%

DT thuần
9T 2025
1,445
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 211| 17.1%

LN thuần
9T 2025
52.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.20| -7.4%

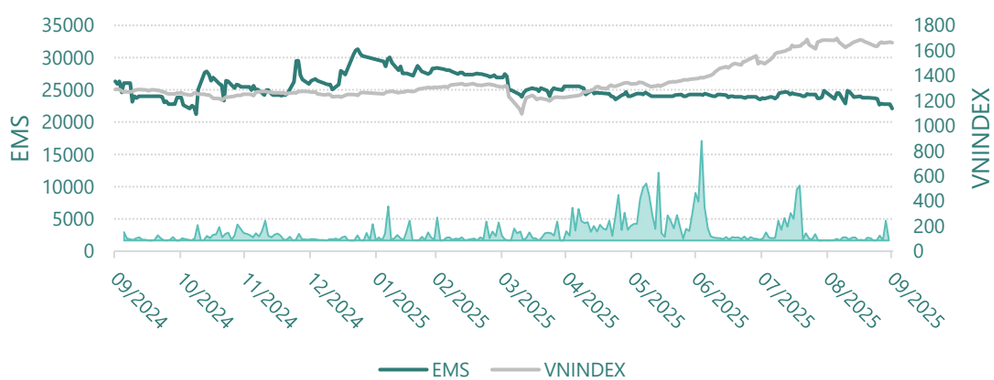
LN sau thuế
9T 2025
41.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60| -1.5%

Cơ cấu sở hữu

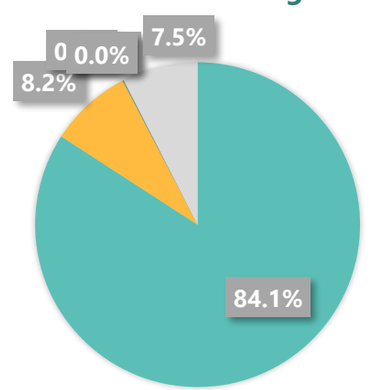


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

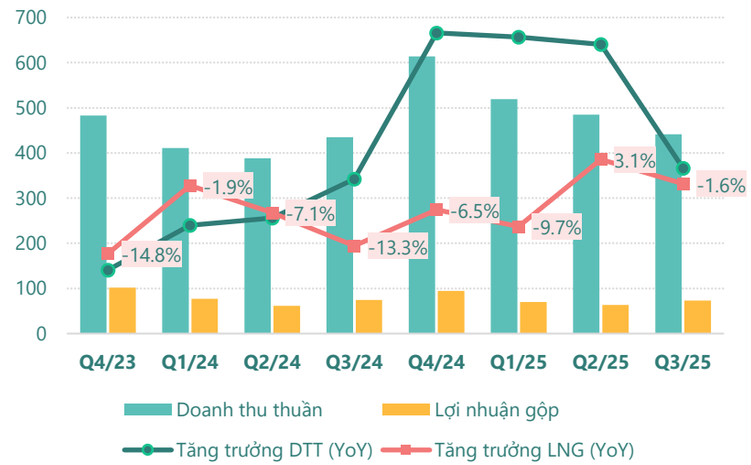




(Nguồn: fireant.vn)

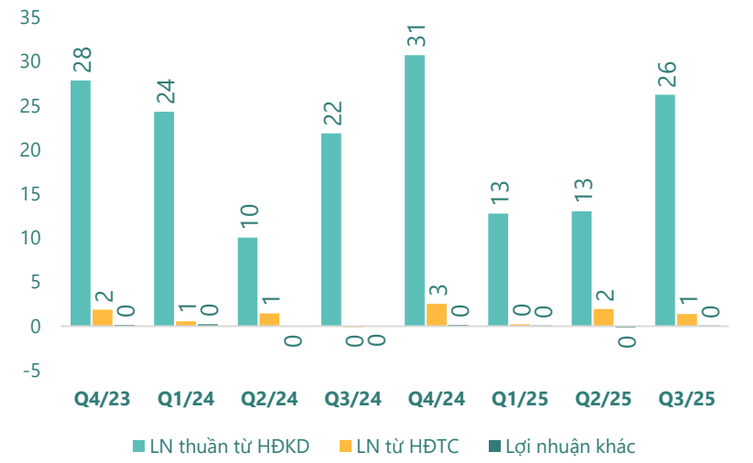
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



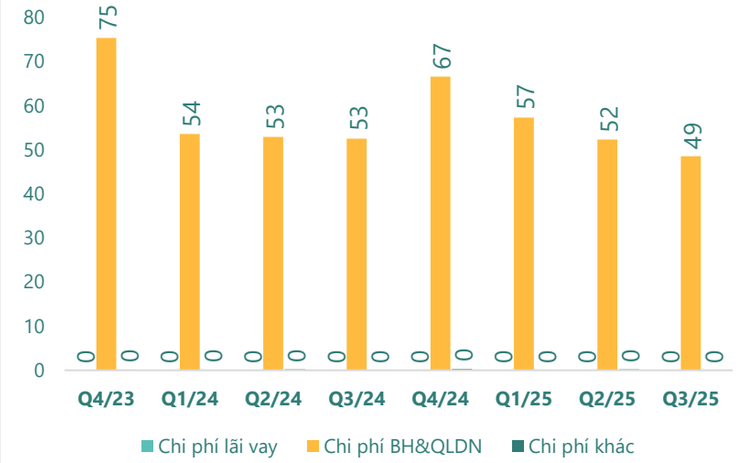
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



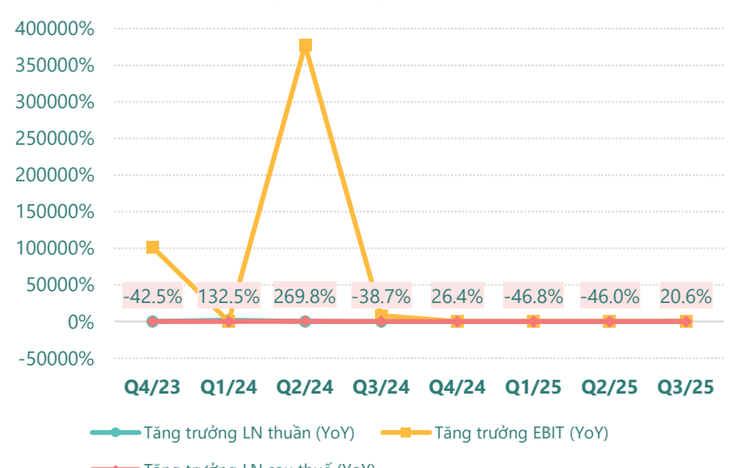
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



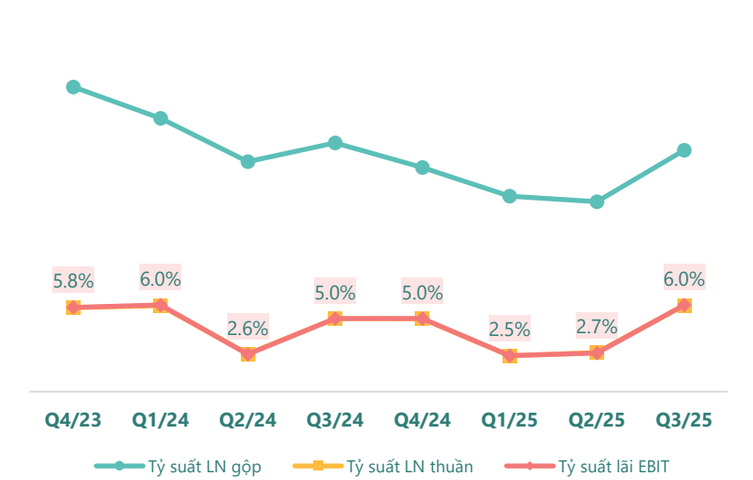
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



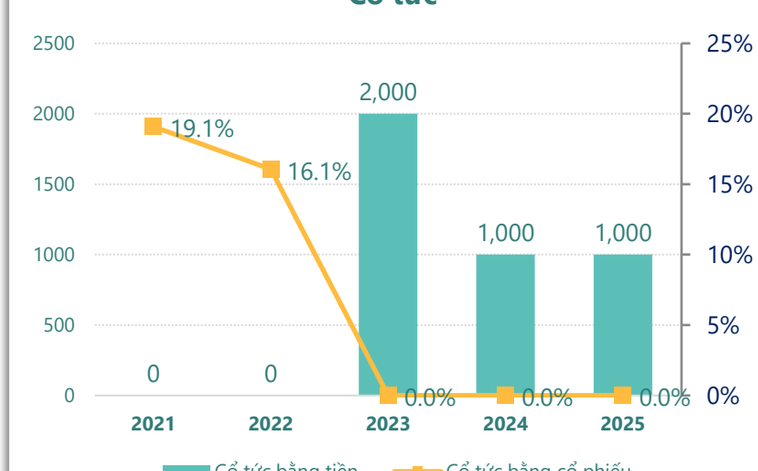
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

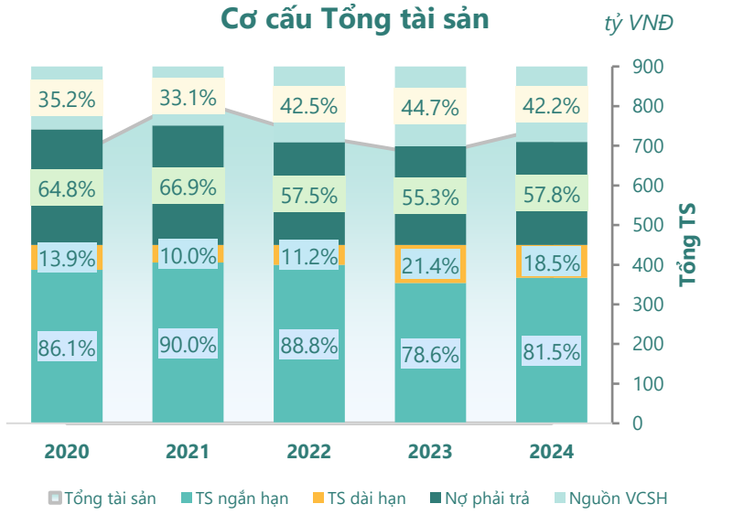
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

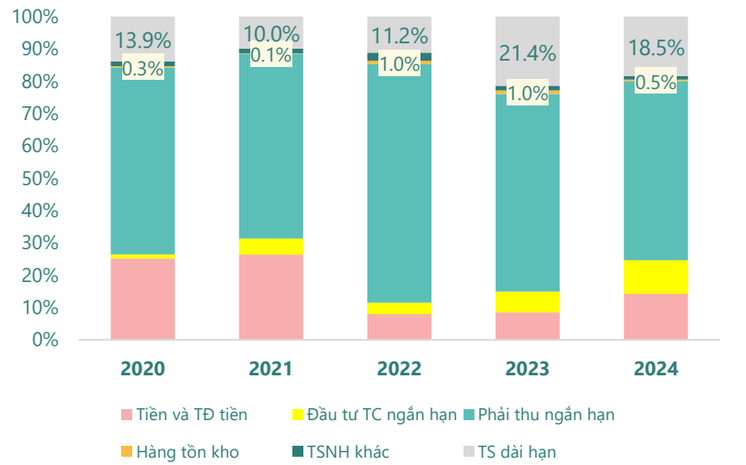
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



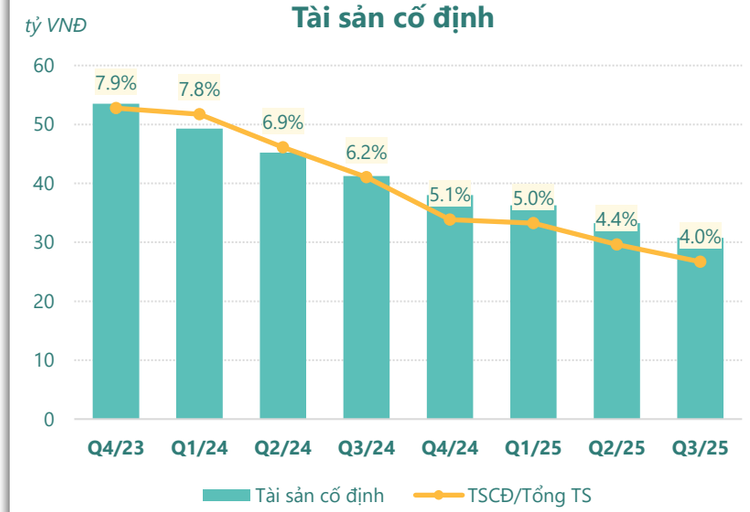
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



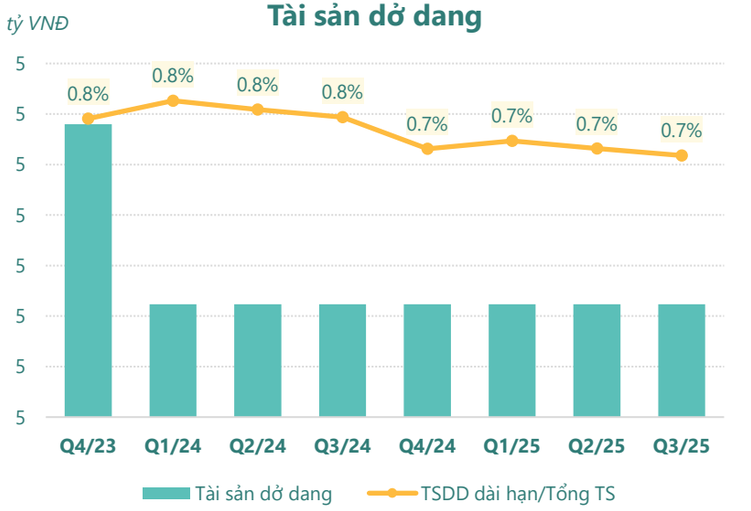
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



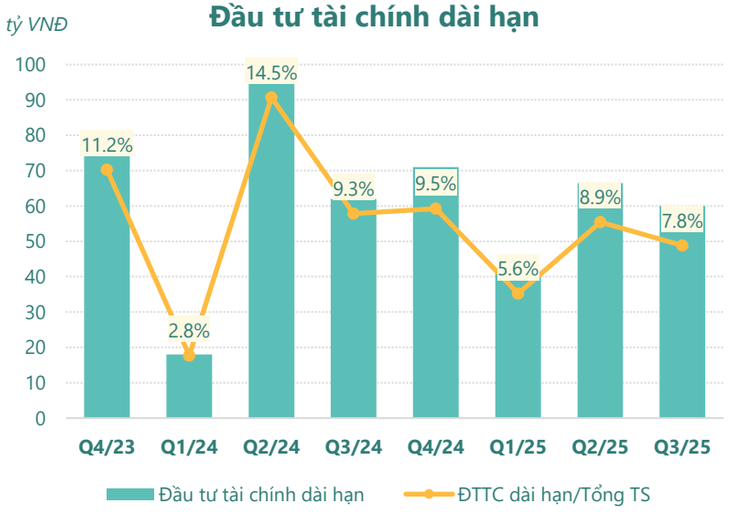
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



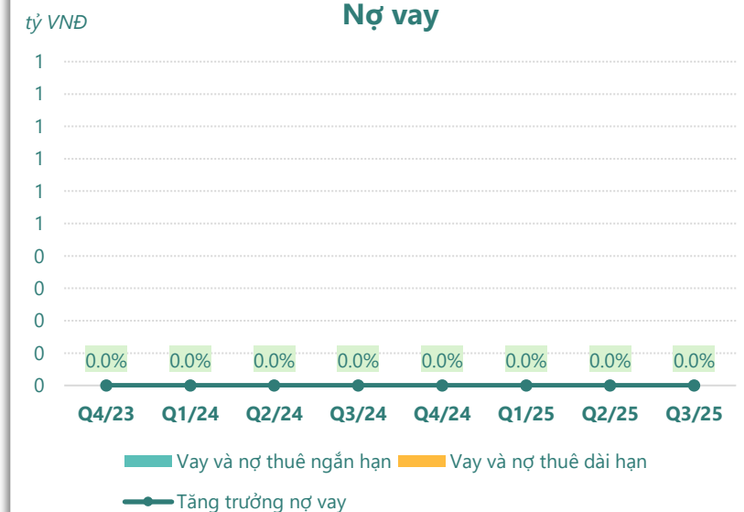
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

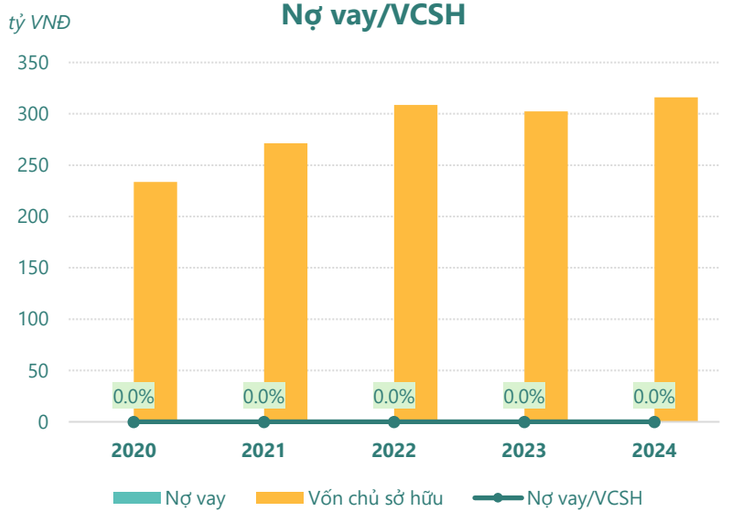
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

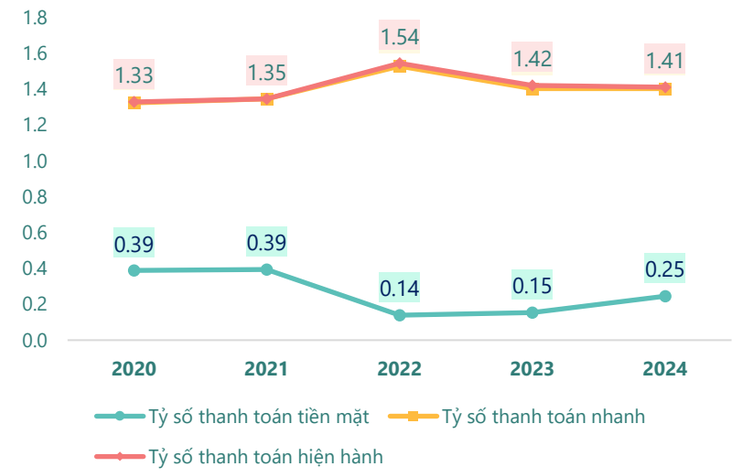
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



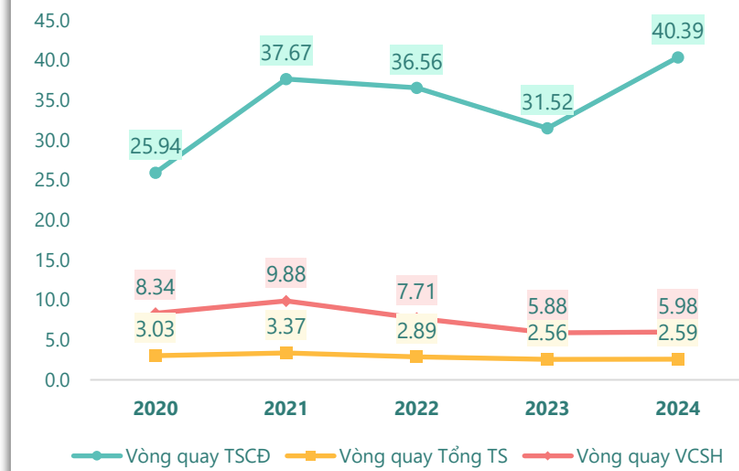
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



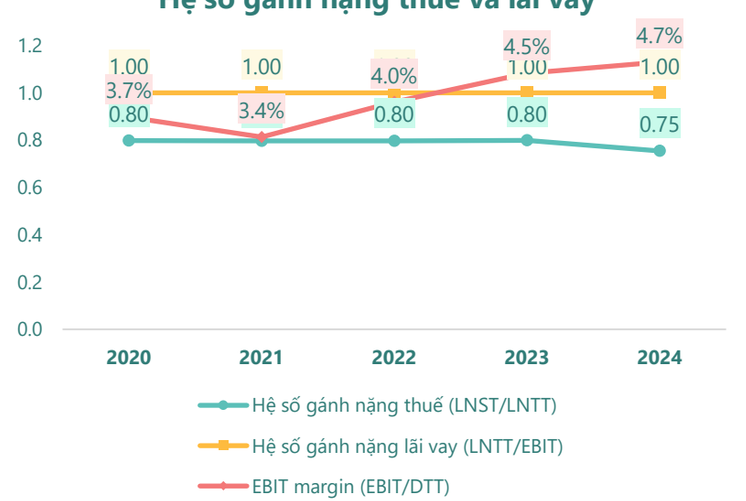
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



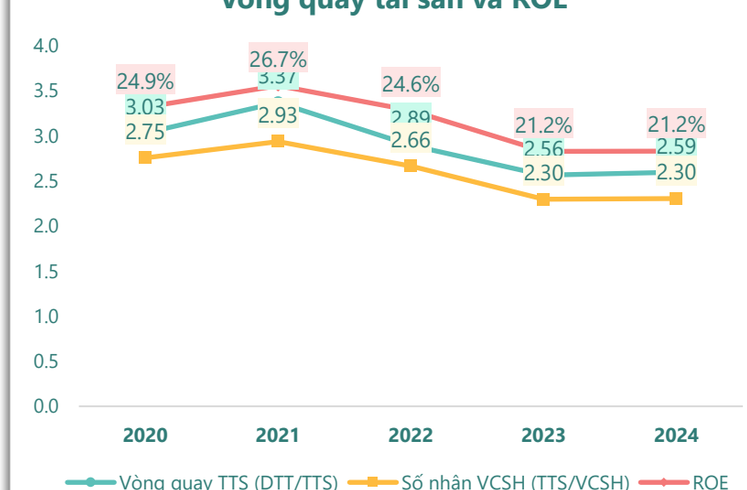
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



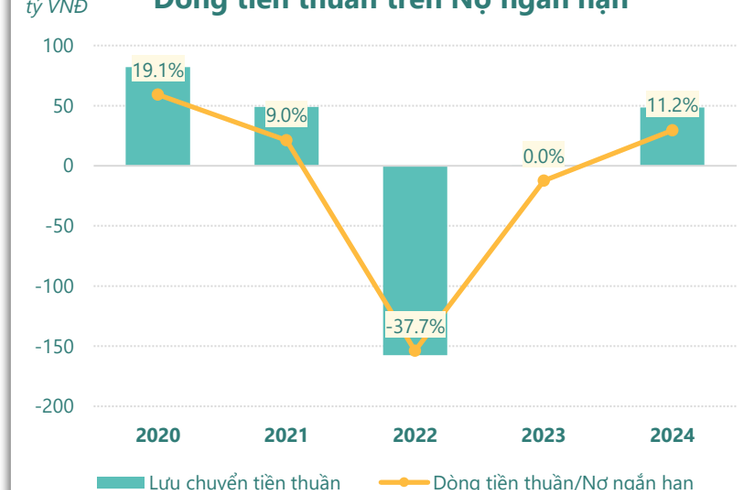
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**441**	**435**	**1.4%**	**1,445**	**1,234**	**17.1%**
Giá vốn hàng bán	368	361	1.9%	1,238	1,021	21.3%
Lợi nhuận gộp	73.4	74.5	-1.5%	207	213	-3.2%
Doanh thu HĐTC	1.52	0.45	237%	5.32	2.65	100%
Chi phí TC	0.13	0.58	-76.7%	1.78	0.81	120%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.7	18.3	2.2%	60.1	51.8	16.1%
Chi phí QLDN	**29.8**	**34.3**	**-13.1%**	**98.0**	**107**	**-8.6%**
LN thuần từ HĐKD	26.2	21.8	20.4%	52.0	56.2	-7.4%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.00**		**0.00**	**0.15**	**-98.1%**
LN trước thuế	26.3	21.8	20.7%	52.0	56.4	-7.7%
Lợi nhuận sau thuế	**21.0**	**17.4**	**20.6%**	**41.4**	**42.0**	**-1.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.0**	**17.4**	**20.6%**	**41.4**	**42.0**	**-1.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.7	75.2	56.0	-52.5	52.2	-9.94
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-56.1	-19.8	-18.4	44.3	-48.3	27.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-3.06	-17.6	-0.05	0.00	0
Tiền đầu kỳ	63.3	33.9	85.8	106	98.1	102
Lưu chuyển tiền thuần	**-29.4**	**52.4**	**20.0**	**-8.24**	**3.88**	**17.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.06	-0.46	0.50	0.03	0.17	0.09
Tiền cuối kỳ	33.9	85.8	106	98.1	102	120

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**768**	**749**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	651	610	6.6%
Tiền và tương đương tiền	120	106	12.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.1	77.9	-12.7%
Phải thu ngắn hạn	447	415	7.7%
Hàng tồn kho	2.49	3.70	-32.7%
Tài sản ngắn hạn khác	13.7	7.84	74.3%
Tài sản dài hạn	**117**	**138**	**-15.1%**
Phải thu dài hạn	11.9	13.2	-9.2%
Tài sản cố định	30.8	38.0	-19.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.12	5.12	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	60.0	71.0	-15.5%
Tài sản dài hạn khác	**9.64**	**11.0**	**-12.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	463	433	7.0%
Nợ ngắn hạn	**462**	**432**	**7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	162	185	-12.1%
Nợ dài hạn	0.38	0.29	32.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**306**	**316**	**-3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**306**	**316**	**-3.3%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)